|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****ĐỀ THI CHÍNH THỨC***(Đề thi có 04 trang)* | **KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2020****Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI****Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề* |

**Họ, tên thí sinh:**……………………………………………………….

**Mã đề thi 303**

**Số báo danh:**…………………………………………………………..

**Câu 41:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết đảo Phú Quốc thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Sóc Trăng. **B.** Kiên Giang. **C.** Cà Mau. **D.** Bạc Liêu.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh Thanh Hóa có khu kinh tế ven biển nào sau đây?

**A.** Vũng Áng. **B.** Hòn La. **C.** Chân Mây - Lăng Cô.**D.** Nghi Sơn.

**Câu 43:** Biện pháp mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở nước ta là

**A.** khai khẩn đất hoang. **B.** canh tác hợp lí. **C.** đa dạng cây trồng. **D.** bón phân thích hợp.

**Câu 44:** Cây nào sau đây của nước ta thuộc nhóm cây công nghiệp lâu năm?

**A.** Lạc. **B.** Bông. **C.** Điều. **D.** Mía.

**Câu 45:** Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt?

**A.** Thịt hộp. **B.** Nước mắm. **C.** Rượu, bia. **D.** Sữa hộp.

**Câu 46:** Vùng đồng bằng nước ta thường xảy ra

**A.** động đất. **B.** đá lở. **C.** lụt úng. **D.** đất trượt.

**Câu 47:** Đồng bằng sông Hồng có nhiều thuận lợi để

**A.** khai thác thiếc. **B.** khai thác dầu mỏ. **C.** trồng cà phê. **D.** trồng lúa gạo.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biếttrung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

**A.** Phan Thiết. **B.** Nha Trang. **C.** Quy Nhơn. **D.** Đà Nẵng.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Cẩm Phả có ngành nào sau đây?

**A.** Chế biến nông sản. **B.** Hóa chất, phân bón. **C.** Đóng tàu. **D.** Luyện kim màu.

**Câu 50:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn hơn thủy sản nuôi trồng?

**A.** Bạc Liêu. **B.** Kiên Giang. **C.** An Giang. **D.** Sóc Trăng.

**Câu 51:** Vùng ven biển Bắc Trung Bộ có thế mạnh về

**A.** nuôi thủy sản. **B.** khai thác apatit. **C.** khai thác thế mạnh. **D.** nuôi bò sữa.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Trị An nằm trong lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

**A.** Sông Thu Bồn. **B.** Sông Đồng Nai. **C.** Sông Cả. **D.** Sông Ba.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào cao nhất trong các núi nào sau đây?

**A.** Vọng Phu. **B.** Chư Yang Sin. **C.** Nam Decbri. **D.** Chư Pha.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khoáng sản nào sau đây?

**A.** Đá axit. **B.** Sắt. **C.** Crôm. **D.** Niken.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?

**A.** Cần Thơ. **B.** Lạng Sơn. **C.** Hà Nội. **D.** Đà Nẵng.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có số lượng bò lớn nhất?

**A.** Nam Định. **B.** Ninh Bình. **C.** Thanh Hóa. **D.** Thái Bình.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết vùng Tây Nguyên có nhà máy thủy điện nào sau đây?

**A.** Vĩnh Sơn. **B.** A Vương. **C.** Xê Xan 3A. **D.** Hàm Thuận - Đa Mi.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biếttrung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Quy Nhơn. **B.** Vũng Tàu. **C.** Mỹ Tho. **D.** Nha Trang.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết nhà máy nhiệt điện Uông Bí thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Lạng Sơn. **B.** Thái Nguyên. **C.** Tuyên Quang. **D.** Quảng Ninh.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Tây Bắc Bộ?

**A.** Sa Pa. **B.** Thanh Hóa. **C.** Điện Biên Phủ. **D.** Lạng Sơn.

**Câu 61:** Cho biểu đồ:

 Nghìn ha

Năm

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CỦA MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2018

*(Số liệu theo Niêm giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta năm 2018 so với năm 2010?

**A.** Cà phê tăng, cao su tăng. **B.** Cà phê giảm, điều giảm.

**C.** Cao su tăng, điều tăng. **D.** Cao su giảm, cà phê giảm.

**Câu 62:** Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay phát triển mạnh

**A.** chuyên canh lúa và cây dược liệu. **B.** trồng cây công nghiệp cận nhiệt.

**C.** khai thác và nuôi trồng thủy sản. **D.** khai thác gỗ quý cho xuất khẩu.

**Câu 63:** Lãnh thổ nước ta

**A.** có vùng đất gấp nhiều lần vùng biển. **B.** chỉ tiếp giáp với các quốc gia trên biển.

**C.** nằm hoàn toàn ở trong vùng xích đạo. **D.** có đường bờ biển dài từ bắc vào nam.

**Câu 64:** Viễn thông nước ta hiện nay **không** phải là ngành

**A.** phân bố tập trung ở vùng núi. **B.** có đông đảo lao động kĩ thuật.

**C.** sử dụng nhiều thiết bị hiện đại. **D.** có các hoạt động rất đa dạng.

**Câu 65:** Thuận lợi chủ yếu của biển nước ta đối với khai thác thủy sản là có

**A.** các ngư trường lớn, nhiều sinh vật. **B.** vùng biển rộng, nhiều đảo ven bờ.

**C.** đường bờ biển dài, nhiều bãi biển. **D.** rừng ngập mặn, các bãi triều rộng.

**Câu 66:** Hoạt động nhập khẩu của nước ta hiện nay

**A.** phân bố đồng đều ở các địa phương. **B.** hoàn toàn phụ thuộc kinh tế tư nhân.

**C.** chỉ tập trung vào mặt hàng tiêu dùng. **D.** ngày càng có sự mở rộng thị trường.

**Câu 67:** Thế mạnh để phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** có sông ngòi dày đặc, nền nhiệt ổn định. **B.** nhiều khu rừng ngập mặn, cửa sông lớn.

**C.** có ngư trường trọng điểm, giàu sinh vật. **D.** nhiều vùng bãi triều, đầm phá khá rộng.

**Câu 68:** Tây Nguyên hiện nay phát triển mạnh

**A.** khai thác và chế biến bôxit, nhiệt điện. **B.** trồng cây công nghiệp lâu năm, du lịch.

**C.** lúa gạo và các loại hoa màu, thủy điện. **D.** khai thác và chế biến thủy sản, cơ khí.

**Câu 69:** Thuận lợi chủ yếu đối với phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** nguồn khoáng sản đa dạng, phong phú. **B.** vùng đồi rộng, có đồng bằng giữa núi.

**C.** đất feralit rộng, có các cao nguyên lớn. **D.** có nhiều sông suối, nguồn nước dồi dào.

**Câu 70:** Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2018

*(Đơn vị: Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỉnh** | **Bắc Ninh** | **Thanh Hóa** | **Bình Định** | **Tiền Giang** |
| Số dân | 1247,5 | 3558,2 | 1534,8 | 1762,3 |
| Số dân thành thị | 353,6 | 616,1 | 475,5 | 272,9 |

*(Nguồn: Niêm giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ dân thành thị trong dân số của các tỉnh năm 2018?

**A.** Tiền Giang cao hơn Bình Định. **B.** Bình Định thấp hơn Bắc Ninh.

**C.** Thanh Hóa cao hơn Tiền Giang. **D.** Bắc Ninh cao hơn Thanh Hóa.

**Câu 71:** Thuận lợi để phát triển giao thông vận tải biển ở Đông Nam Bộ là

**A.** giàu dầu khí, có các cửa sông lớn. **B.** biển ấm, có rừng ngập mặn rộng.

**C.** bờ biển dài, có nhiều ngư trường. **D.** biển rộng, gần đường biển quốc tế.

**Câu 72:** Sự khác nhau về mưa giữa vùng núi Tây Bắc và vùng núi Đông Bắc chủ yếu do tác động kết hợp của

**A.** bão, dải hội tụ nhiệt đới, Tín phong bán cầu Bắc và độ dốc các sườn núi.

**B.** gió mùa Đông Bắc, gió mùa Tây Nam và các dãy núi hướng vòng cung.

**C.** vị trí gần hay xa biển và độ cao của các đỉnh núi, hướng của các dãy núi.

**D.** gió theo hướng tây nam, gió theo hướng đông bắc và địa hình vùng núi.

**Câu 73:** Do nằm trong khu vực nội chí tuyến nên Biển Đông có

**A.** khí hậu xích đạo, nhiệt độ cao, ẩm dồi dào, gió hoạt động theo mùa.

**B.** dải hội tụ, bão, áp thấp nhiệt đới, dòng hải lưu, nhiều rừng ngập mặn.

**C.** khí hậu nhiệt đới, mưa theo mùa, sinh vật biển đa dạng và phong phú.

**D.** bão và áp thấp nhiệt đới, nhiệt độ nước biển cao và độ muối khá lớn.

**Câu 74:** Nước ta có tỉ lệ dân thành thị còn thấp chủ yếu do

**A.** dịch vụ ít đa dạng, mức sống dân cư chưa cao. **B.** kinh tế phát triển chậm, công nghiệp hạn chế.

**C.** lao động nông nghiệp nhiều, ít thay đổi nghề. **D.** trình độ đô thị hóa thấp, sức hấp dẫn còn yếu.

**Câu 75:** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh nông nghiệp ở nước ta là

**A.** tạo lượng nông sản lớn, phát triển hàng hóa. **B.** thúc đẩy áp dụng công nghệ, tăng năng suất.

**C.** sử dụng hiệu quả đất đai, bảo vệ môi trường. **D.** khai thác các thế mạnh, tăng trưởng kinh tế.

**Câu 76:** Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế của nước ta thay đổi chủ yếu do

**A.** đẩy mạnh công nghiệp hóa, thu hút đầu tư. **B.** tăng cường hiện đại hóa, mở rộng dịch vụ.

**C.** phát triển kinh tế thị trường, toàn cầu hóa. **D.** khai thác các thế mạnh, tăng trưởng kinh tế.

**Câu 77:** Cho biểu đồ về than sạch và điện của nước ta giai đoạn 2014 – 2018:

 Triệu tấn Tỷ Kwh

*(Số liệu theo Niêm giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Cơ cấu sản lượng than sạch và điện.

**B.** Quy môsản lượng than sạch và điện.

**C.** Chuyển dịch cơ cấu sản lượng than sạch và điện.

**D.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng than sạch và điện.

**Câu 78:** Đô thị hóa nước ta tiêu thụ mạnh các sản phẩm hàng hóa chủ yếu do

**A.** cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thương thuận lợi. **B.** dân cư tập trung đông, chất lượng sống cao.

**C.** dịch vụ đa dạng, việc kinh doanh phát triển. **D.** mật độ dân số cao, thu hút nhiều vốn đầu tư.

**Câu 79:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2018

*(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Lúa đông xuân** | **Lúa hè thu và thu đông** | **Lúa mùa** |
| 2010 | 7489,4 | 3085,9 | 2436,0 | 1967,5 |
| 2018 | 7570,4 | 3102,1 | 2785,0 | 1683,3 |

*(Nguồn: Niêm giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu sau, để thể hiện quy mô và cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ của nước ta năm 2010 và năm 2018, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Kết hợp. **B.** Miền. **C.** Tròn. **D.** Đường.

**Câu 80:** Mùa mưa ở dải đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ chịu tác động chủ yếu của

**A.** áp thấp nhiệt đới và bão, gió mùa Tây Nam, gió Tây và gió mùa Đông Bắc.

**B.** gió hướng đông bắc, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ, bão và áp thấp nhiệt đới.

**C.** gió mùa Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

**D.** dải hội tụ, Tín phong bán cầu Bắc và gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

------------------------ HẾT ------------------------

*- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

*- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 41-B | 42-D | 43-A | 44-C | 45-C | 46-C | 47-D | 48-A | 49-C | 50-B |
| 51-A | 52-B | 53-B | 54-A | 55-D | 56-C | 57-C | 58-B | 59-D | 60-C |
| 61-A | 62-C | 63-D | 64-A | 65-A | 66-D | 67-A | 68-B | 69-A | 70-C |
| 71-D | 72-D | 73-D | 74-B | 75-A | 76-C | 77-B | 78-B | 79-C | 80-B |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****ĐỀ THI CHÍNH THỨC***(Đề thi có 04 trang)* | **KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2020****Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI****Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề* |

**Họ, tên thí sinh:**……………………………………………………….

**Mã đề thi 304**

**Số báo danh:**…………………………………………………………..

**Câu 41:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?

**A.** Hà Nội. **B.** Đà Lạt. **C.** Hải Phòng. **D.** Cần Thơ.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

**A.** Thanh Hóa. **B.** Đà Nẵng. **C.** Huế. **D.** Nha Trang.

**Câu 43:** Cây nào sau đây của nước ta thuộc nhóm cây công nghiệp lâu năm?

**A.** Cà phê. **B.** Thuốc lá. **C.** Bông. **D.** Đay.

**Câu 44:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Lai Châu. **B.** Hà Giang. **C.** Cao Bằng. **D.** Quảng Ninh.

**Câu 45:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào cao nhất trong các núi sau đây?

**A.** Ngọc Linh. **B.** Vọng Phu. **C.** Bi Doup. **D.** Ngọc Krinh.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn hơn thủy sản khai thác?

**A.** Ninh Thuận. **B.** Kiên Giang. **C.** An Giang. **D.** Bình Thuận.

**Câu 47:** Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

**A.** Cà phê nhân. **B.** Chè búp khô. **C.** Đường mía. **D.** Cá đóng hộp.

**Câu 48:** Các đồng bằng ở Bắc Trung Bộ có nhiều thuận lợi cho trồng

**A.** hồ tiêu, lạc. **B.** mía, thuốc lá. **C.** cao su, điều. **D.** cà phê, dừa.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết vùng Tây Nguyên có nhà máy thủy điện nào sau đây?

**A.** Xê Xan 3. **B.** Sông Hinh. **C.** Hàm Thuận - Đa Mi.**D.** A Vương.

**Câu 50:** Vùng bờ biển nước ta thường xảy ra

**A.** lũ quét. **B.** bão. **C.** lũ nguồn. **D.** sóng thần.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Thác Bà nằm trong lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

**A.** Sông Hồng. **B.** Sông Cả. **C.** Sông Mã. **D.** Sông Ba.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khoáng sản nào sau đây

**A.** Mangan. **B.** Vàng. **C.** Apatit. **D.** Đá vôi xi măng.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết mũi Dinh thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Khánh Hòa. **B.** Phú Yên. **C.** Ninh Thuận. **D.** Bình Thuận.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Quy Nhơn có ngành nào sau đây?

**A.** Luyện kim đen. **B.** Chế biến nông sản. **C.** Luyện kim màu. **D.** Điện tử.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Đông Bắc Bộ?

**A.** Đồng Hới. **B.** Điện Biên Phủ. **C.** Sa Pa. **D.** Đà Nẵng.

**Câu 56:** Biện pháp mở rộng diện tích rừng ở nước ta là

**A.** làm ruộng bậc thang. **B.** trồng cây theo băng. **C.** tích cực trồng mới. **D.** cải tạo đất hoang.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất?

**A.** Hà Tĩnh. **B.** Quảng Bình. **C.** Quảng Trị. **D.** Nghệ An

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biếtsân bay Vinh thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Quảng Bình. **B.** Nghệ An. **C.** Hà Tĩnh. **D.** Quảng Trị.

**Câu 59:** Đồng bằng sông Hồng có nhiều thuận lợi để

**A.** trồng hồ tiêu. **B.** khai thác kẽm. **C.** khai thác dầu mỏ. **D.** trồng cây lương thực.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Hải Phòng. **B.** Nam Định. **C.** Hải Dương. **D.** Thái Nguyên.

**Câu 61:** Vị trí địa lí nước ta

**A.** ở trung tâm Đông Nam Á. **B.** nằm trên vành đai sinh khoáng.

**C.** giáp với nhiều nước khác nhau. **D.** tiếp giáp với Ấn Độ Dương.

**Câu 62:** Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2018

*(Đơn vị: Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỉnh** | **Nam Định** | **Bắc Giang** | **Lâm Đồng** | **Đồng Tháp** |
| Số dân | 1854,4 | 1691,8 | 1312,9 | 1693,3 |
| Số dân thành thị | 347,6 | 194,5 | 522,8 | 300,8 |

*(Nguồn: Niêm giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ dân thành thị trong dân số của các tỉnh năm 2018?

**A.** Đồng Tháp cao hơn Bắc Giang. **B.** Lâm Đồng thấp hơn Nam Định.

**C.** Bắc Giang cao hơn Lâm Đồng. **D.** Nam Định thấp hơn Đồng Tháp.

**Câu 63:** Cho biểu đồ:

 Nghìn tấn

Năm

DIỆN TÍCH CHO SẢN PHẨM CỦA MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2018

*(Số liệu theo Niêm giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về diện tích cho sản phẩm của một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta năm 2018 so với năm 2010?

**A.** Cà phê giảm, điều giảm. **B.** Cao su giảm, cà phê giảm.

**C.** Cà phê tăng, cao su tăng. **D.** Cao su tăng, điều tăng.

**Câu 64:** Thuận lợi để phát triển du lịch biển ở Đông Nam Bộ là

**A.** giàu dầu khí, rừng ngập mặn rộng. **B.** bãi biển đẹp, nhiệt độ cao quanh năm.

**C.** nước biển ấm, có các ngư trường lớn. **D.** biển rộng, gần đường biển quốc tế.

**Câu 65:** Nội thương của nước ta hiện nay

**A.** có thị trường riêng rẽ ở mỗi nơi. **B.** tập trung chủ yếu ở các vùng núi.

**C.** chỉ duy nhất Nhà nước nắm giữ. **D.** có các mặt hàng rất phong phú.

**Câu 66:** Thuận lợi của biển nước ta đối với phát triển giao thông là có

**A.** các ngư trường lớn, nhiều sinh vật. **B.** bờ biển dài, có các vịnh nước sâu.

**C.** rừng ngập mặn, các bãi triều rộng. **D.** nhiều bãi biển đẹp, các đảo ven bờ.

**Câu 67:** Tây Nguyên hiện nay phát triển mạnh

**A.** sản xuất lúa gạo, nuôi trồng thủy sản. **B.** khai thác gỗ tròn, trồng cây dược liệu.

**C.** thủy điện, cây công nghiệp nhiệt đới. **D.** khai thác các khoáng sản, sản xuất ôtô.

**Câu 68:** Viễn thông nước ta hiện nay **không** phải là ngành

**A.** có mạng lưới rộng ở khắp nơi. **B.** chỉ phục vụ cho doanh nghiệp.

**C.** phát triển với tốc độ vượt bậc. **D.** sử dụng nhiều công nghệ mới.

**Câu 69:** Thuận lợi chủ yếu đối với thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** nguồn khoáng sản đa dạng, phong phú. **B.** vùng đồi rộng, có đồng bằng giữa núi.

**C.** đất feralit rộng, có các cao nguyên lớn. **D.** có nhiều sông suối, nguồn nước dồi dào.

**Câu 70:** Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay phát triển mạnh

**A.** du lịch và giao thông vận tải biển. **B.** thủy điện và khai thác gỗ quý hiếm.

**C.** điện gió và khai thác khoáng sản. **D.** nhiệt điện và chế biến các lâm sản.

**Câu 71:** Thuận lợi để phát triển khai thác hải sản ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** vùng biển rộng, có các ngư trường. **B.** giàu sinh vật biển, nhiều kênh rạch.

**C.** diện tích mặt nước rộng, sông lớn. **D.** các vùng trũng lớn, nhiều cửa rộng.

**Câu 72:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA PHÂN THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2018

*(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Lúa đông xuân** | **Lúa hè thu và thu đông** | **Lúa mùa** |
| 2010 | 40005,6 | 19216,8 | 11686,1 | 9102,7 |
| 2018 | 43979,2 | 20603,0 | 15111,3 | 8264,9 |

*(Nguồn: Niêm giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu sau, để thể hiện quy mô và cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ của nước ta năm 2010 và năm 2018, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Miền. **B.** Tròn. **C.** Kết hợp. **D.** Đường.

**Câu 73:** Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta vào mùa động có nhiều biến động thời tiết chủ yếu do tác động của

**A.** Tín phong bán cầu Bắc, gió mùa Đông Bắc và hoạt động của frông.

**B.** gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông và hướng của các dãy núi.

**C.** hoạt động của frông, gió mùa Đông Bắc và các dãy núi vòng cung.

**D.** vùng đồi núi rộng và Tín phong bán cầu Bắc, hoạt động của frông.

**Câu 74:** Nam Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của

**A.** gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc, bão, dải hội tụ, áp thấp nhiệt đới.

**B.** bão, dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới, gió mùa Tây Nam và gió phơn Tây Nam.

**C.** gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, Tín phong bán cầu Bắc và dải hội tụ.

**D.** gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

**Câu 75:** Nước ta có tỉ lệ dân nông thôn còn lớn chủ yếu do

**A.** lao động nhiều, dịch vụ phát triển còn yếu. **B.** ngành nghề còn ít, trồng trọt chiếm ưu thế.

**C.** gia tăng tự nhiên còn cao, người già đông. **D.** công nghiệp hóa hạn chế, đô thị hóa chậm.

**Câu 76:** Đô thị hóa nước ta có sức hút với đầu tư chủ yếu do

**A.** dân đông, nhiều lao động kĩ thuật, hạ tầng tốt. **B.** có khả năng mở rộng, thu hút nhiều lao động.

**C.** giao thông thuận lợi, có khả năng liên kết cao. **D.** thị trường rộng, dân trí cao, sản xuất đa dạng.

 **Câu 77:** Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế của nước ta thay đổi chủ yếu do

**A.** mở rộng sản xuất, tăng trưởng kinh tế cao. **B.** kinh tế chuyển sang thị trường, hiện đại hóa.

**C.** thúc đẩy liên kết kinh tế, hội nhập toàn cầu. **D.** thu hút đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.

 **Câu 78:** Vị trí trải dài từ xích đạo về chí tuyến Bắc là nhân tố chủ yếu làm cho Biển Đông có

**A.** nhiệt độ nước biển cao và thay đổi theo mùa, biển tương đối kín.

**B.** nhiệt độ nước biển cao và thay đổi từ Bắc xuống Nam, biển ấm.

**C.** các vịnh biển, lượng mưa tương đối lớn và khác nhau ở các nơi.

**D.** các quần đảo, nhiều rừng ngập mặn và loài sinh vật phong phú.

**Câu 79:** Cho biểu đồ về dầu mỏ và điện của nước ta giai đoạn 2014 – 2018:

 Triệu tấn Tỷ Kwh

*(Số liệu theo Niêm giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Quy mô sản lượng dầu mỏ và điện.

**B.** Cơ cấusản lượng dầu mỏ và điện.

**C.** Chuyển dịch cơ cấu sản lượng dầu mỏ và điện.

**D.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và điện.

**Câu 80:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất nông sản xuất khẩu ở nước ta hiện nay là

**A.** tăng hiệu quả kinh tế, sử dụng tốt tài nguyên. **B.** đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng nguồn thu.

**C.** đẩy mạnh sản xuất, áp dụng công nghệ mới. **D.** tạo việc làm, sử dụng hợp lí nguồn lao động.

------------------------ HẾT ------------------------

*- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

*- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 41-C | 42-C | 43-A | 44-B | 45-A | 46-C | 47-D | 48-B | 49-A | 50-B |
| 51-A | 52-D | 53-C | 54-B | 55-C | 56-C | 57-D | 58-B | 59-D | 60-D |
| 61-C | 62-A | 63-C | 64-B | 65-D | 66-B | 67-C | 68-B | 69-C | 70-A |
| 71-A | 72-B | 73-A | 74-D | 75-D | 76-A | 77-D | 78-B | 79-A | 80-A |